

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/02/1995

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị Th, sinh năm 1973; vợ, con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: 1 tiền án

+ Bản án số 50/2015/HSST ngày 26/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2017, chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2018 đến ngày 08/6/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Trần Thăng B, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Th, xã T, huyện S, tỉnh V

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Trần Anh T, sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã X, huyện L, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 11/03/2018, Trần Thăng B, sinh năm 1992 ở thôn Th, xã T, huyện S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda - Wave, màu sơn đen - bạc, BKS:88C1 - 24282 của mình chở Nguyễn Minh T, sinh năm 1995 ở thôn Đ, xã V, huyện L đến chơi tại nhà anh Trần Trung H, sinh năm 1990 ở thôn L, X, L, V và được anh H mời ở lại ăn cơm. Khoảng 11h cùng ngày, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của B đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nên hỏi mượn xe của B và nói dối là đi một lát rồi về. Thấy vậy, B đồng ý và đưa chìa khoá xe cho T. Sau đó, T điều khiển chiếc xe đi và gọi điện cho bạn là Trần Cao Ng, sinh năm 1996 trú tại thôn L, xã X, huyện L hỏi chỗ cầm cố xe mô tô. Ng đưa T đến gặp Trần Anh T, sinh năm 1983 trú tại thôn M, xã X. Tại đây, T nói muốn vay 5.000.000đ khoảng 2 tiếng sau sẽ trả và để lại chiếc xe mô tô T đã mượn của anh B làm tin. Do Tùng nói là xe của bố nên anh T đồng ý cho T vay tiền. T cầm tiền đi tiêu xài cá nhân hết đến ngày 10/4/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) triệu tập T đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của mình .

Sau khi biết T lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe của mình, anh B đã có đơn trình báo Cơ quan Công an. Ngày 15/3/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã ra thông báo truy tìm vật chứng đối với chiếc xe mô tô trên. Cùng ngày, anh Trần Anh T đã tự nguyện giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda-Wave, màu đen-bạc, BKS 88C1-242.82, số khung 3909HY213385, số máy JA39E213435; 01 Giấy biên nhận vay tiền mặt của Nguyễn Minh T cho Cơ quan CSĐT Công an huyện L để phục vụ điều tra.

Ngày 16/3/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá chiếc xe mô tô BKS 88C1-242.82 của anh B. Tại bản Kết luận số 169/KL-HĐĐG 27/3/2018 kết luận: *“01 xe mô tô BKS 88C1-242.82, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave, màu sơn đen bạc số máy số máy JA39E213435, số khung 3909HY213385 được định giá là 16.000.000 đ (Mười sáu triệu đồng chẵn)”*.

Tại Cáo trạng số: 29/CT-VKS-KT ngày 06 tháng 6 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Nguyễn Minh T về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Minh T. Sau khi đánh giá

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Buộc Tùng phải trả lại anh Trần Anh T số tiền 5.000.000đ
- Xác nhận ngày 23/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trả lại cho anh B chiếc xe mô tô BKS 88C1- 242.82 là đúng chủ sở hữu.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Khoảng 11 giờ ngày 11/3/2018, tại thôn L, xã X, huyện L, tỉnh V, Nguyễn Minh T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của anh Trần Thắng B 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda- Wave màu đen bạc, BKS: 88C1- 242.82 trị giá 16.000.000đ rồi đem cầm cố và vay 5.000.000đ của Trần Anh T ở thôn M, xã X đã tiêu xài cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định: “1. *Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

[2] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Minh T, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã từng phạm tội, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, như vậy mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tùng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng..”*. Tuy nhiên, xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo T thấy rằng: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với Trần Cao Ng là bạn của bị cáo. Khi Ng đưa T đến nhà anh T để cầm cố xe mô tô, T nói dối là xe của bố nên Ng không biết chiếc xe do T cầm cố là do phạm pháp mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Anh Trần Anh T khi cho T vay 5.000.000đ, Tùng có để lại chiếc xe mô tô để làm tin, anh T không biết đây là tài sản do phạm pháp mà có, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp. Anh T yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho anh số tiền 5.000.000đ do T vay khi cầm cố xe nhưng T đã tiêu xài cá nhân hết là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

Ngày 23/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch đã trả lại cho anh Trần Thăng B 01 chiếc xe máy BKS 88C1- 242.82 là đúng chủ sở hữu. Nay anh B không có yêu cầu đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Nguyễn Minh T khai nhận có quan hệ với chị Phùng Thị Thùy L, sinh ngày 02/11/1999 cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh Ph và có 01 con là cháu Phùng Ngọc Linh Nh, sinh ngày 20/12/2014 (khi đó L chưa đủ 16 tuổi) có dấu hiệu của hành vi giao cấu với người dưới 16 tuổi. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L đã tiến hành điều tra, xác minh, tuy nhiên chị L hiện không có mặt tại địa phương, gia đình và địa phương không biết đi đâu, làm gì. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[6] Các hành vi tố tụng, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589, Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 468; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù, được trừ đi 01 tháng 28 ngày (từ ngày 10/4/2018 đến ngày 08/6/2018). Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Tùng phải trả lại anh Trần Anh T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Xác nhận ngày 23/5/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trả lại cho anh Trần Thắng B 01 chiếc xe máy BKS 88C1- 242.82 là đúng chủ sở hữu.

Bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Kể từ khi anh T có đơn đề nghị thi hành án, nếu bị cáo T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND L
- VKSND tỉnh Vc
- THA L
- Công an L
- Sở Tư pháp V
- Bị cáo
- Lưu HS+Vp

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp